

ĐỀ MINH HỌA
(Đề thi có 04 trang)

Họ, tên thí sinh:

Số báo danh:

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Truyện ngắn *Chữ người tử tù* của tác giả nào sau đây?

- A. Nam Cao
B. Thạch Lam
C. Nguyễn Tuân
D. Vũ Trọng Phụng

Câu 2. Trong truyện ngắn *Vợ chồng A Phủ* của Tô Hoài, yếu tố nào sau đây có tác dụng đánh thức sức sống tiềm tàng của nhân vật Mị vào đêm tình mùa xuân?

- A. Gió và rét dữ dội
B. Tiếng chân ngựa đạp vào vách
C. Cảnh A Phủ bị trói
D. Tiếng sáo gọi bạn

Câu 3. Truyện ngắn *Chiếc thuyền ngoài xa* của Nguyễn Minh Châu **không** thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Sự chiêm nghiệm về mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc đời
B. Khao khát của người nghệ sĩ về một tác phẩm nghệ thuật toàn bích
C. Vai trò của người nghệ sĩ đối với việc phản ánh hiện thực đời sống
D. Sự khám phá mang tính phát hiện về số phận con người sau chiến tranh

Câu 4. Nhận định nào sau đây đúng với tác phẩm *Tây Tiến* của Quang Dũng?

- A. Tác phẩm tái hiện hình ảnh lãng mạn, bi tráng của người lính Tây Tiến.
B. Tác phẩm tái hiện hình ảnh chân chất, mộc mạc của người lính Tây Tiến.
C. Tác phẩm tái hiện hình ảnh người lính Tây Tiến trong chiến dịch Điện Biên Phủ.
D. Tác phẩm tái hiện hình ảnh người lính Tây Tiến trên địa bàn miền Tây Nam Tổ quốc.

Câu 5. Tác phẩm *Vợ nhặt* của Kim Lân thuộc thể loại nào?

- A. Kịch
B. Truyện ngắn
C. Tùy bút
D. Tiểu thuyết

Câu 6. Sách giáo khoa *Ngữ văn 12*, tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam, 2011, tr.184-185 nhận định: “Những tác phẩm của thời hiện đại như *Vợ chồng A Phủ*, *Vợ nhặt*, *Những đứa con trong gia đình*,... mở ra trước mắt người đọc bao hiểu biết phong phú về cuộc sống trên đất nước mình với nhiều lĩnh vực khác nhau, từ chiến đấu, sản xuất đến phong tục, tập quán, hoàn cảnh địa lí,...”

Nhận định trên đề cập đến giá trị nào của văn học?

- A. Giá trị giáo dục
B. Giá trị nhận thức
C. Giá trị thẩm mỹ
D. Giá trị nhân đạo

Câu 7. Đặc điểm nổi bật của phong cách thơ Tố Hữu là gì?

- A. Trữ tình triết luận
- B. Trữ tình chính luận
- C. Trữ tình chính trị
- D. Trữ tình thế sự

Câu 8. Sách giáo khoa *Ngữ văn 12*, tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010, tr.197 nhận định: “Nét đặc sắc trong sáng tác của ông là ở sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa chất trí tuệ và tính trữ tình, giữa nghị luận sắc bén với suy tư đa chiều được tổng hợp từ vốn kiến thức phong phú về triết học, văn hóa, lịch sử, địa lí...”

Đó là phong cách nghệ thuật của tác giả nào sau đây?

- A. Nguyễn Tuân
- B. Thanh Thảo
- C. Hoàng Phủ Ngọc Tường
- D. Nguyễn Khoa Điềm

Câu 9. Cho câu sau: *Để giải quyết tình trạng xâm nhập mặn, xây công ngăn mặn là giải pháp tối ưu bậc nhất hiện nay.*

Từ nào dùng thừa trong câu trên?

- A. tình trạng
- B. xâm nhập
- C. tối ưu
- D. bậc nhất

Câu 10. Cho câu sau: *Yếu điểm của anh Nam trưởng phòng là thiếu tính quyết đoán trong công việc.*

Từ nào trong câu trên dùng sai nghĩa?

- A. yếu điểm
- B. trưởng phòng
- C. quyết đoán
- D. công việc

Câu 11. Cho câu sau: *Trong truyện “Vợ nhặt” thể hiện tấm lòng nhân đạo sâu sắc của tác giả với người nông dân.*

Câu trên mắc lỗi nào và cách đúng nhất để sửa lỗi là gì?

- A. Lỗi ngữ pháp - Bỏ từ *trong*
- B. Lỗi dùng từ - Bỏ cụm từ *tấm lòng nhân đạo*
- C. Lỗi ngữ pháp - Thêm dấu phẩy sau cụm từ *Trong truyện ngắn “Vợ nhặt”*
- D. Lỗi dùng từ - Thay từ *với*

Câu 12. Câu nào dưới đây **không** mắc lỗi về quan hệ từ?

- A. Ngày mai, tôi vẫn đến dù trời có mưa.
- B. Ngày mai, mặc dù trời mưa nhưng tôi vẫn đến.
- C. Ngày mai, tôi vẫn đến tuy trời có mưa.
- D. Ngày mai, tuy trời mưa nhưng tôi vẫn đến.

Câu 13. Cho mệnh đề sau: *Người Việt Nam yêu hòa bình.*

Từ mệnh đề trên, ta có thể trực tiếp suy ra mệnh đề nào dưới đây?

- A. Người Việt Nam không thích chiến tranh.
- B. Người Việt Nam hiếu khách, thân thiện.
- C. Người Việt Nam mong muốn sự ổn định.
- D. Người Việt Nam luôn bao dung, khoan hồng.

Câu 14. Cho câu sau: *Vãn xuôi lồi cuốn người như dòng nước, đưa ta đi lần lượt, từ điểm này qua điểm khác.* (Ngữ văn 12, tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010, tr.59)

Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu văn trên?

- A. Ẩn dụ B. Hoán dụ C. Nhân hóa D. So sánh

Câu 15. Cho đoạn thơ:

*Trời xanh đây là của chúng ta
Núi rừng đây là của chúng ta
Những cánh đồng thơm mát
Những ngả đường bát ngát
Những dòng sông đỏ nặng phù sa.*

(Trích *Đất nước*, Nguyễn Đình Thi, *Ngữ văn 12*, tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010, tr.125)

Dòng nào sau đây nêu đúng tác dụng của phép điệp được sử dụng trong đoạn thơ trên?

- A. Thể hiện niềm vui của nhân vật trữ tình vì tìm thấy lý tưởng sống
B. Thể hiện niềm vui vì ruộng đất về tay người lao động
C. Thể hiện niềm tự hào khi được làm chủ đất nước
D. Thể hiện tự hào vì đất nước bước vào thời kỳ đổi mới

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi từ 16 đến 20

(1) *Ánh sáng cho phép nhà thiên văn học nghiên cứu chuyển động của các thiên thể. Vì trên trời chẳng có gì là đứng yên. Lực hấp dẫn làm cho tất cả các cấu trúc của vũ trụ - như sao, thiên hà, đám thiên hà... - hút lẫn nhau và “rơi” vào nhau. Chuyển động rơi này hòa vào chuyển động giãn nở chung của vũ trụ. Thực tế, Trái đất cũng tham gia vào một vũ điệu vũ trụ tuyệt vời. Nó mang chúng ta qua không gian với vận tốc khoảng ba chục kilômét mỗi giây trong chuyến chu du hàng năm quanh Mặt trời. Đến lượt mình, Mặt trời lại kéo theo Trái đất, và cùng với Trái đất là chúng ta, trong chuyến chu du của nó quanh trung tâm của Ngân hà, với vận tốc hai trăm ba mươi kilômét mỗi giây. Thế vẫn chưa hết: Ngân hà lại rơi với vận tốc chín mươi kilômét mỗi giây về phía thiên hà đồng hành với nó là Andromède. Đến lượt mình, cụm thiên hà địa phương chứa thiên hà của chúng ta và Andromède cũng lại rơi với vận tốc khoảng sáu trăm kilômét mỗi giây về đám Vierge, và đám này lại rơi vào một tập hợp lớn các thiên hà gọi là “Nhân hút Lớn”. Bầu trời tĩnh và bất động của Aristote đã chết hẳn! Trong vũ trụ, tất cả đều vô thường, đều thay đổi và chuyển hóa liên tục. Chúng ta không nhìn thấy sự nào động mãnh liệt này bởi vì các thiên thể ở quá xa, và cuộc sống của chúng ta quá ngắn ngủi. Một lần nữa, lại chính ánh sáng đã tiết lộ cho chúng ta sự vô thường này của vũ trụ. Ánh sáng thay đổi màu sắc khi nguồn sáng chuyển động so với người quan sát. Ánh sáng dịch chuyển về phía đỏ (các vạch hấp thụ dọc dịch chuyển về phía năng lượng nhỏ hơn) nếu vật tiến ra xa, và về phía xanh lam (các vạch hấp thụ dọc dịch chuyển về phía năng lượng cao hơn) nếu vật tiến lại gần. Bằng cách đo sự dịch chuyển về phía đỏ hay phía xanh này, nhà thiên văn học sẽ tái hiện được các chuyển động vũ trụ.*

(2) Như vậy ánh sáng kết nối chúng ta với vũ trụ. Nhưng ánh sáng không chỉ thiết yếu đối với nhà thiên văn học. Tất cả chúng ta đều là con đẻ của ánh sáng. Ánh sáng đến từ Mặt trời là nguồn gốc của sự sống. Dù là tự nhiên hay nhân tạo, ánh sáng cho phép chúng ta không chỉ ngắm nhìn thế giới, mà còn tương tác với thế giới và tiến hóa trong thế giới. Nó không chỉ ban cho chúng ta nhìn thấy, mà còn ban cho chúng ta tư duy nữa. Từ những thời rất xa xưa cho tới ngày nay, ánh sáng luôn mê hoặc trí tuệ con người, dù đó là nhà khoa học, triết gia, nghệ sĩ hay tu sĩ.

(Trích *Những con đường của ánh sáng*, tập 2, Trịnh Xuân Thuận, NXB Trẻ, 2016, tr. 12-13)

Câu 16. Đoạn trích trên sử dụng phong cách ngôn ngữ nào?

- A. Nghệ thuật B. Chính luận C. Báo chí D. Khoa học

Câu 17. Theo đoạn trích, thiên hà chứa Trái Đất có tên là gì?

- A. Ngân hà B. Andromède C. Vierge D. Nhân hút lớn

Câu 18. Câu chủ đề của đoạn (1) là:

- A. Ánh sáng cho phép nhà thiên văn học nghiên cứu chuyển động của các thiên thể.
B. Lực hấp dẫn làm cho tất cả các cấu trúc của vũ trụ - như sao, thiên hà, đám thiên hà... - hút lẫn nhau và “rơi” vào nhau.
C. Bầu trời tĩnh và bất động của Aristote đã chết hẳn.
D. Bằng cách đo sự dịch chuyển về phía đỏ hay phía xanh này, nhà thiên văn học sẽ tái hiện được các chuyển động vũ trụ.

Câu 19. Câu văn “Tất cả chúng ta đều là con đẻ của ánh sáng.” có ý nghĩa gì?

- A. Ánh sáng luôn mê hoặc trí tuệ của con người.
B. Ánh sáng kết nối con người với vũ trụ.
C. Ánh sáng tác động đến sự phát triển của khoa học, nghệ thuật.
D. Ánh sáng là nguồn gốc sự sống của con người.

Câu 20. Nội dung chính của đoạn trích trên là gì?

- A. Cách thức tái hiện chuyển động của vũ trụ
B. Nguồn gốc của ánh sáng trong vũ trụ
C. Vai trò của ánh sáng đối với con người
D. Thành tựu nghiên cứu về ánh sáng của con người

PHẦN II: VIẾT LUẬN

Anh/Chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) với nhan đề: *Hãy sẵn sàng đón nhận thử thách mới trong cuộc đời.*

--- HẾT ---

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.